

Thanh Thủy, ngày 20 tháng 7 năm 2020

Số 66/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 87/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Khu 11, xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh P.

- *Bị đơn*: Chị **Cầm Thị H**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Khu 11, xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Bùi Văn T và chị Cầm Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Bùi Thị H1.

Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị H1, sinh ngày 03/3/2018 kể từ ngày 20/7/2020 cho đến khi cháu thành niên.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, tài sản cho vay, nợ chung, công sức đóng góp: Anh T và chị H thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh T tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0000555 ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh P. Anh T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện TT
- UBND xã X
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Lương Viết Tú